



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH

Năm học: 2019-2020 - Học kỳ: 2 (Khoa/Viện: Viện Cơ khí)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	TBC Học tập	Điểm thưởng	Điểm RL	ĐT HB	Số tiền (5 tháng / kỳ)	Ghi chú
Hệ: Đại học chính quy										
Khoa: Viện Cơ khí										
Lớp: CĐT57ĐH										
1	63976	Trần Quang	Tuyển	27.03.1997	4.00	0	95	4.00	5,500,000	
2	69949	Trần Quang	Vũ	22.04.1998	3.86	0	93	3.86	5,500,000	
Tổng lớp:									11,000,000	
Lớp: CĐT58ĐH										
1	75162	Phạm Văn	Khởi	28.10.1999	3.78	0.05	95	3.83	5,500,000	
2	74005	Mai Đăng	Phương	19.10.1999	3.25	0	92	3.25	5,000,000	
3	73534	Đỗ Hồng	Tú	24.12.1999	3.19	0	89	3.19	4,450,000	
4	74938	Nguyễn Kông	Vĩ	18.02.1999	3.44	0.05	95	3.49	5,000,000	
Tổng lớp:									19,950,000	
Lớp: CĐT59ĐH										
1	77957	Tô Xuân	Hiển	30.12.2000	3.91	0	90	3.91	5,500,000	
2	78489	Đoàn Văn	Khuê	17.08.2000	4.00	0	90	4.00	5,500,000	
3	78782	Nguyễn Đức	Long	13.03.2000	3.82	0	90	3.82	5,500,000	
4	79147	Nguyễn Hữu	Ngân	16.06.2000	3.82	0	90	3.82	5,500,000	
5	80021	Tạ Xuân	Tiến	08.10.2000	3.82	0	90	3.82	5,500,000	
6	80164	Đào Hữu	Trọng	24.01.2000	3.65	0	90	3.65	5,500,000	
Tổng lớp:									33,000,000	
Lớp: CĐT60ĐH										
1	82035	Bùi Tuấn	Anh	17.03.2001	3.46	0	90	3.46	5,000,000	
2	82175	Nguyễn Thị Vân	Anh	10.02.2001	3.46	0	90	3.46	5,000,000	
3	83177	Vũ Khánh	Hòa	14.10.2001	3.89	0	92	3.89	5,500,000	
4	84320	Đỗ Tiến	Nhuận	31.10.2001	3.65	0	92	3.65	5,500,000	
5	85140	Phạm Văn	Tiến	05.02.2000	3.74	0	92	3.74	5,500,000	
Tổng lớp:									26,500,000	
Lớp: KCK57ĐH										
1	67474	Đỗ Văn	Hà	06.09.1998	3.50	0	93	3.50	5,000,000	
2	67100	Bùi Đức	Nam	23.02.1998	3.38	0	93	3.38	5,000,000	
3	63923	Lê Văn	Vĩ	28.02.1997	3.61	0	94	3.61	5,500,000	
4	68667	Nguyễn Xuân	Vinh	16.05.1998	3.83	0	94	3.83	5,500,000	
Tổng lớp:									21,000,000	
Lớp: KCK58ĐH										
1	75806	Vũ Hoàng	Anh	17.01.1998	3.76	0	85	3.76	5,000,000	
2	74385	Nguyễn Quang	Hùng	07.11.1999	4.00	0	86	4.00	5,000,000	
3	75586	Trần Đình	Khuê	10.12.1999	3.85	0	85	3.85	5,000,000	
4	74592	Nguyễn Nhật	Nam	07.09.1999	4.00	0	84	4.00	5,000,000	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	TBC Học tập	Điểm thưởng	Điểm RL	ĐT HB	Số tiền (5 tháng / kỳ)	Ghi chú
Tổng lớp:									20,000,000	
Lớp: KCK59ĐH										
1	78324	Đặng Quốc	Huy	15.09.2000	3.82	0	90	3.82	5,500,000	
2	78460	Nguyễn Đình	Khánh	26.11.2000	3.56	0	90	3.56	5,000,000	
3	78475	Vũ Ngọc	Khánh	14.09.2000	3.56	0	93	3.56	5,000,000	
4	79942	Nguyễn Hoàng	Thông	04.03.2000	3.41	0	90	3.41	5,000,000	
5	80002	Nguyễn Thanh	Thủy	19.06.2000	3.32	0	90	3.32	5,000,000	
Tổng lớp:									25,500,000	
Lớp: KCK60ĐH										
1	82713	Nguyễn Thành	Đạt	28.02.2001	3.81	0	95	3.81	5,500,000	
2	85102	Trịnh Phương	Thùy	16.03.2001	3.36	0	95	3.36	5,000,000	
3	85181	Trần Lin	Tôn	27.05.2001	3.41	0	95	3.41	5,000,000	
4	85406	Trần Trọng	Tuấn	24.03.2001	2.79	0.05	90	2.84	4,450,000	
5	85543	Đình Công	Việt	10.10.2001	3.88	0	95	3.88	5,500,000	
6	85568	Ngô Ngọc	Vinh	13.11.2001	3.21	0	90	3.21	5,000,000	
Tổng lớp:									30,450,000	
Lớp: KNL57ĐH										
1	69731	Phạm Quang	Anh	30.04.1998	3.22	0	84	3.22	5,000,000	
2	69117	Nguyễn Thế	Phong	20.12.1998	3.15	0.05	84	3.20	5,000,000	
Tổng lớp:									10,000,000	
Lớp: KNL58ĐH										
1	75508	Trần Quang	Hải	02.07.1999	3.58	0	95	3.58	5,000,000	
Tổng lớp:									5,000,000	
Lớp: KNL59ĐH										
1	77265	Lê Xuân	Bảo	27.01.2000	3.65	0.03	87	3.68	5,000,000	
2	79020	Nguyễn Duy	Minh	21.11.2000	3.10	0.03	85	3.13	4,450,000	
3	80468	Ngô Long	Vỹ	06.02.2000	3.23	0.03	86	3.26	5,000,000	
Tổng lớp:									14,450,000	
Lớp: KNL60ĐH										
1	83810	Lê Duy	Long	15.11.2001	2.53	0	90	2.53	4,450,000	
Tổng lớp:									4,450,000	
Lớp: KTO57ĐH										
1	70104	Trần Đức	Lương	27.05.1998	3.90	0	95	3.90	5,500,000	
2	67530	Đồng Văn	Thái	03.08.1998	3.80	0	80	3.80	5,000,000	
3	67501	Đào Duy	Tùng	14.05.1998	3.68	0	95	3.68	5,500,000	
Tổng lớp:									16,000,000	
Lớp: KTO58ĐH										
1	75032	Phạm Hoàng	Cương	17.04.1999	3.79	0	85	3.79	5,000,000	
2	75199	Phạm Hồng	Minh	27.05.1999	3.71	0.05	85	3.76	5,000,000	
3	74894	Nguyễn Minh	Trường	18.07.1999	3.69	0.05	90	3.74	5,500,000	
4	75369	Phạm Văn	Vương	12.08.1999	3.69	0	85	3.69	5,000,000	
Tổng lớp:									20,500,000	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	TBC Học tập	Điểm thưởng	Điểm RL	ĐT HB	Số tiền (5 tháng / kỳ)	Ghi chú
Lớp: KTO59ĐH										
1	78123	Nguyễn Đức	Hoàng	17.01.2000	3.65	0	95	3.65	5,500,000	
2	78348	Nguyễn Hữu	Huy	11.08.2000	3.56	0	95	3.56	5,000,000	
3	78366	Phạm Đức	Huy	20.08.2000	3.82	0	95	3.82	5,500,000	
4	78370	Phạm Văn	Huy	03.06.2000	3.91	0	95	3.91	5,500,000	
5	79390	Hà Lê	Phúc	30.05.2000	3.91	0	95	3.91	5,500,000	
6	79707	Trần Văn	Tân	10.10.2000	3.56	0	95	3.56	5,000,000	
7	80173	Mai Đức	Trung	26.10.2000	3.91	0	95	3.91	5,500,000	
Tổng lớp:									37,500,000	
Lớp: KTO60ĐH										
1	84180	Nguyễn Chí	Nghĩa	02.11.2001	3.89	0	95	3.89	5,500,000	
2	84593	Vũ Văn	Quang	25.11.2001	3.92	0	95	3.92	5,500,000	
3	84769	Phan Hồng	Thái	24.08.2001	3.78	0	95	3.78	5,500,000	
4	85166	Nguyễn Đức	Toàn	26.08.1999	3.82	0	95	3.82	5,500,000	
5	85349	Trịnh Nam	Trường	03.01.2001	3.81	0	95	3.81	5,500,000	
6	85439	Nguyễn Tiến	Tùng	17.07.2001	3.65	0	95	3.65	5,500,000	
Tổng lớp:									33,000,000	
Lớp: MXD57ĐH										
1	69769	Phạm Hoàng	Anh	09.09.1998	3.94	0	85	3.94	5,000,000	
Tổng lớp:									5,000,000	
Lớp: MXD58ĐH										
1	73480	Đào Văn	Quyết	27.07.1999	3.31	0.05	89	3.36	5,000,000	
Tổng lớp:									5,000,000	
Lớp: MXD59ĐH										
1	78152	Phạm Văn	Hoàng	07.06.2000	3.29	0	85	3.29	5,000,000	
2	79913	Đỗ Văn	Thịnh	13.03.2000	3.56	0	88	3.56	5,000,000	
Tổng lớp:									10,000,000	
Lớp: MXD60ĐH										
1	84402	Đỗ Quang	Phú	03.12.2000	3.36	0.05	90	3.41	5,000,000	
Tổng lớp:									5,000,000	
Tổng khoa: 68 sinh viên									353,300,000	
Tổng hệ: 68 sinh viên									353,300,000	

Hải Phòng, ngày 14 tháng 8 năm 2020

GIÁO VỤ

TL. HIỆU TRƯỞNG
VIỆN TRƯỞNG

Trịnh Thị Phương Lan

PGS. TS. Lê Văn Diễm